CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú

Ngày 30/09/2025	56,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**9.3%**	**-3.4%**

DT thuần
Q3/25
396
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 217| 121%
YoY: ▼459| -53.7%

LN thuần
Q3/25
142
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 122| 601%
YoY: ▲ 18.0| 14.8%

LN sau thuế
Q3/25
119
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 117| 6902%
YoY: ▲ 9.00| 8.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
38.2%
YoY: +/-▲ 32.8%

ROE (TTM)
Q3/25
7.7%
YoY: +/-▼ 0.0%

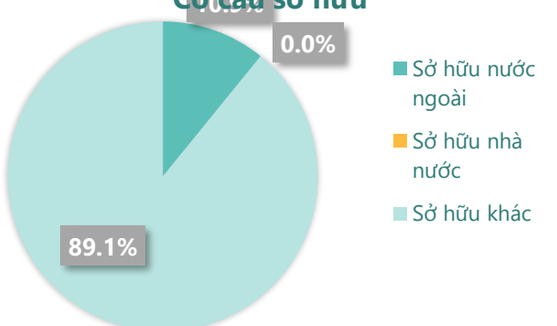
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,400 - 59,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,051
Số lượng CPLH (CP)	320,049,577
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,540,300
Sở hữu nước ngoài	10.9%
Beta	0.56
EPS	1,145
P/E	49.2

DT thuần
9T 2025
824
tỷ VNĐ
YoY: ▼324| -28.3%

LN thuần
9T 2025
322
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 96.0| 42.6%

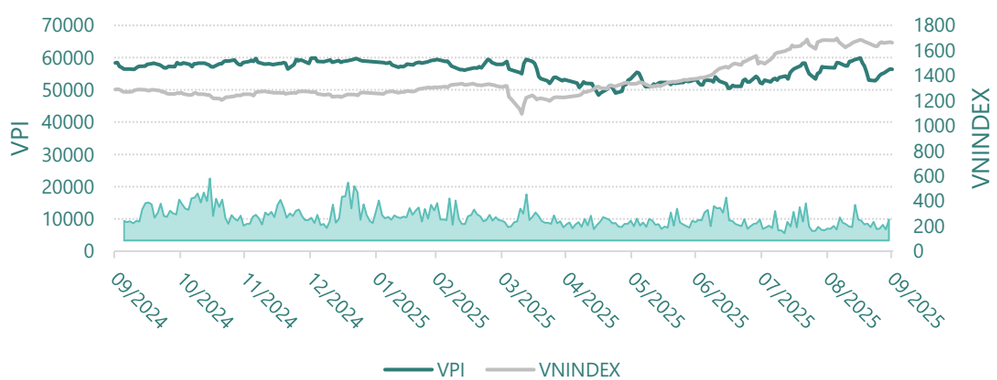
LN sau thuế
9T 2025
263
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.0| 27.9%

Cơ cấu sở hữu

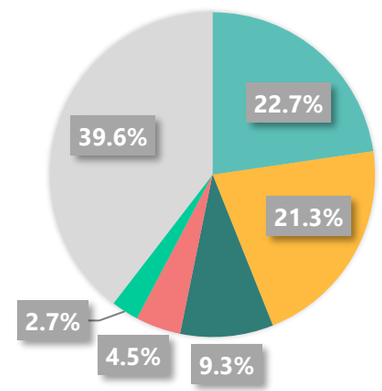


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

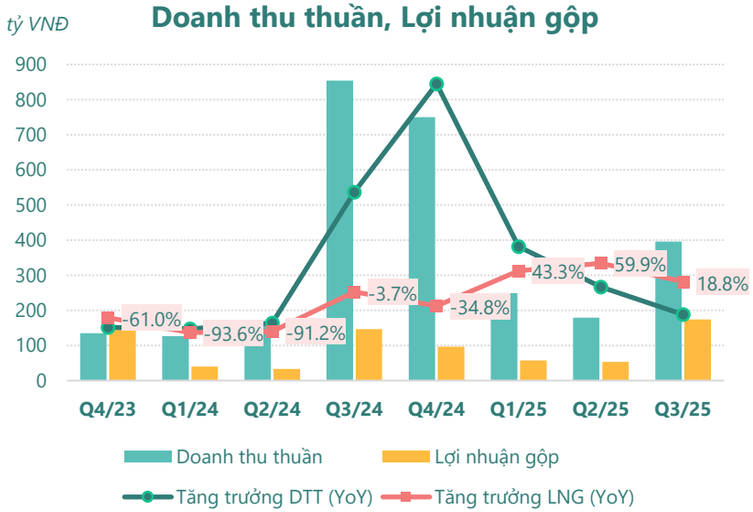


- Tô Như Toàn (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư THG Holdings
- VIAC No.1 Partnership Ltd.,
- Nguyễn Ngọc Trung
- Tô Như Thắng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

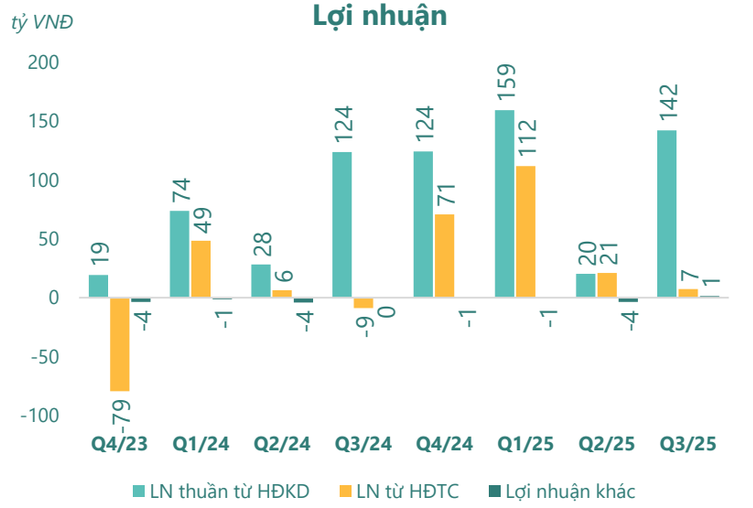
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



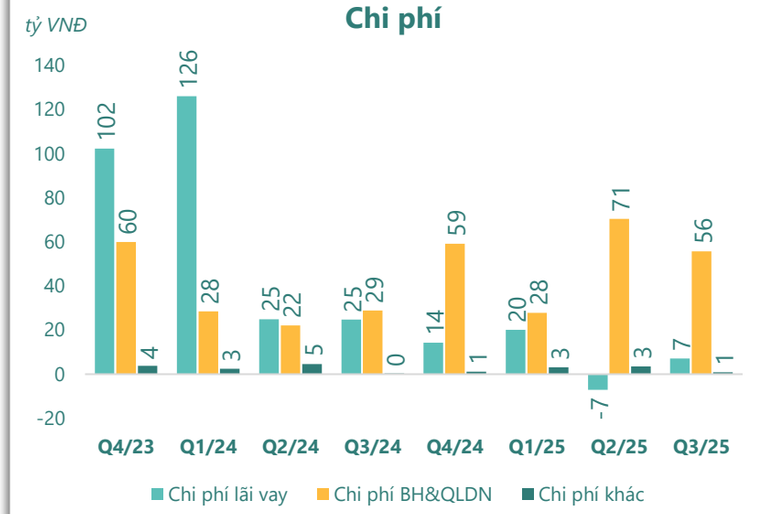
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



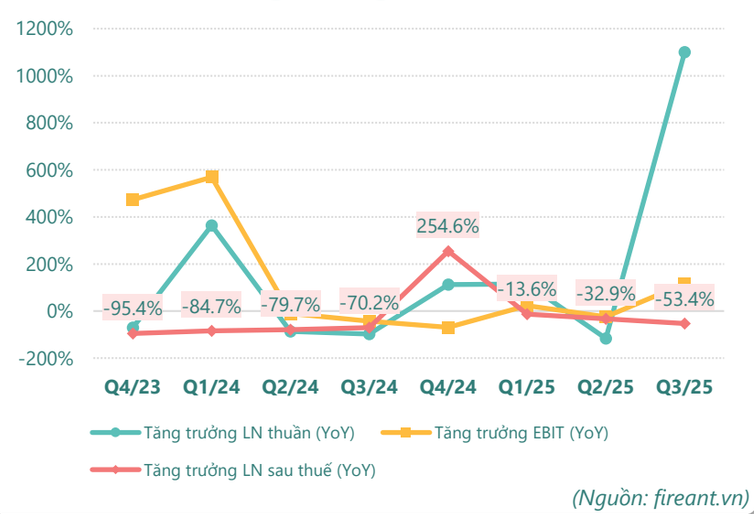
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



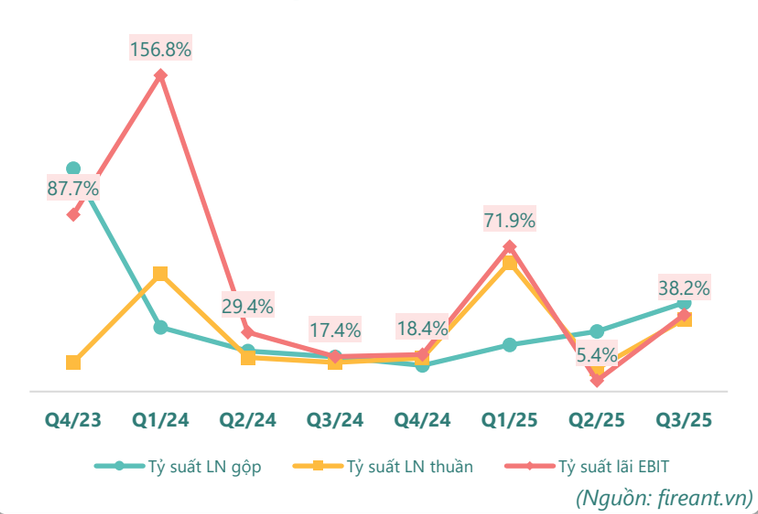
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



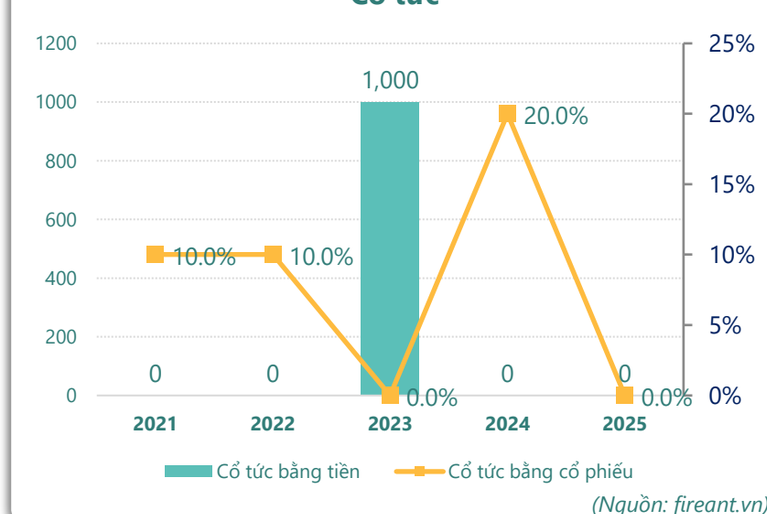
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

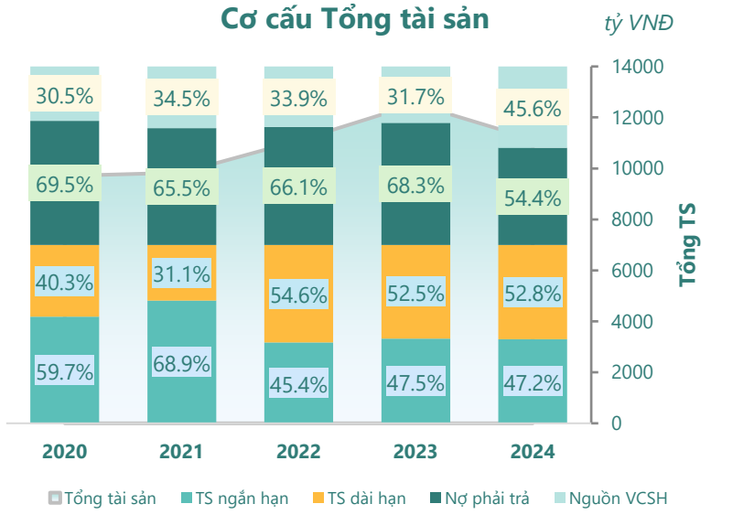
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

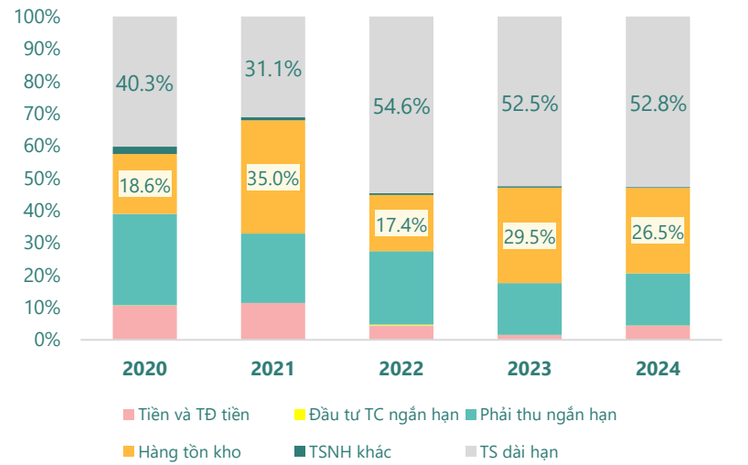
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



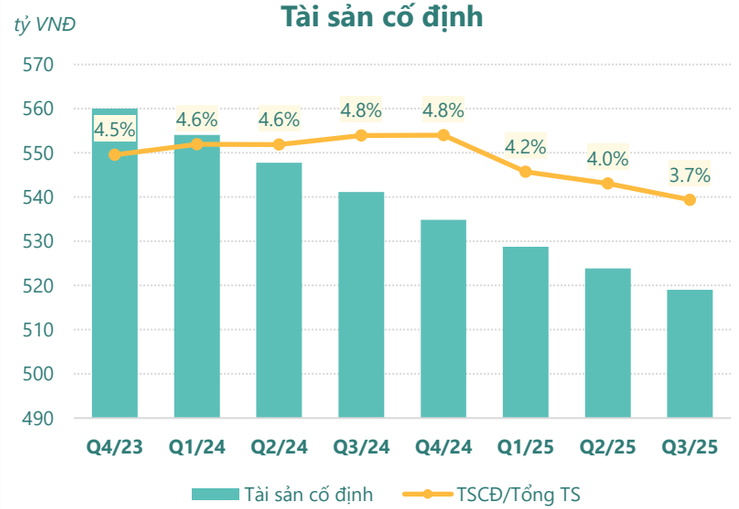
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



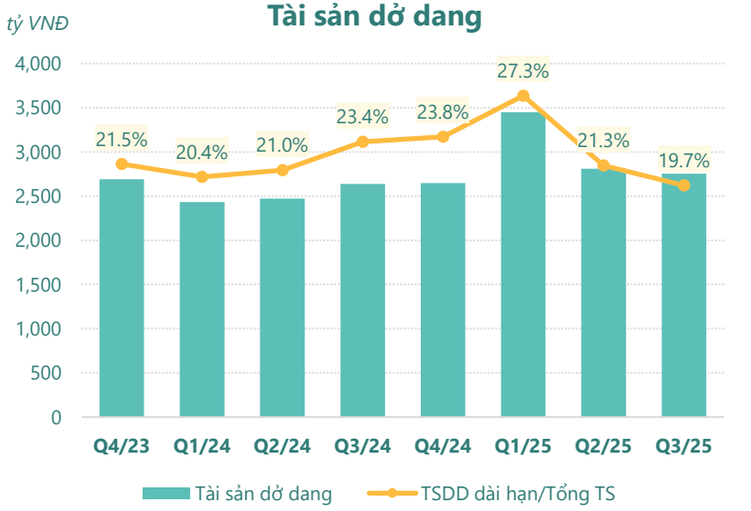
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



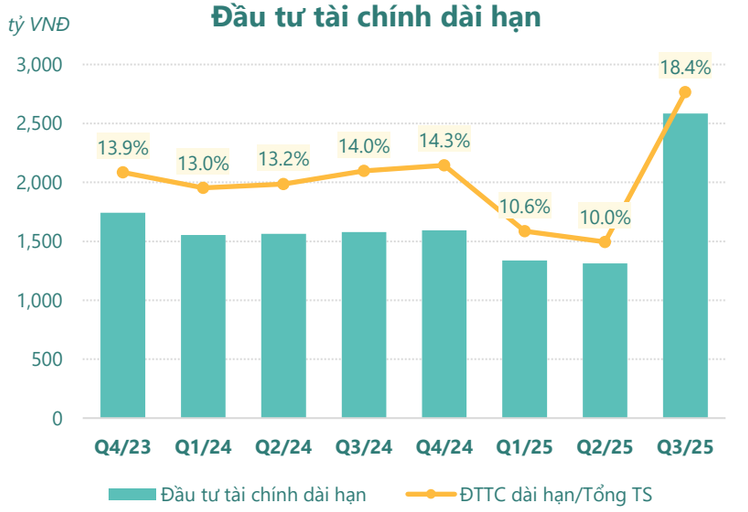
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



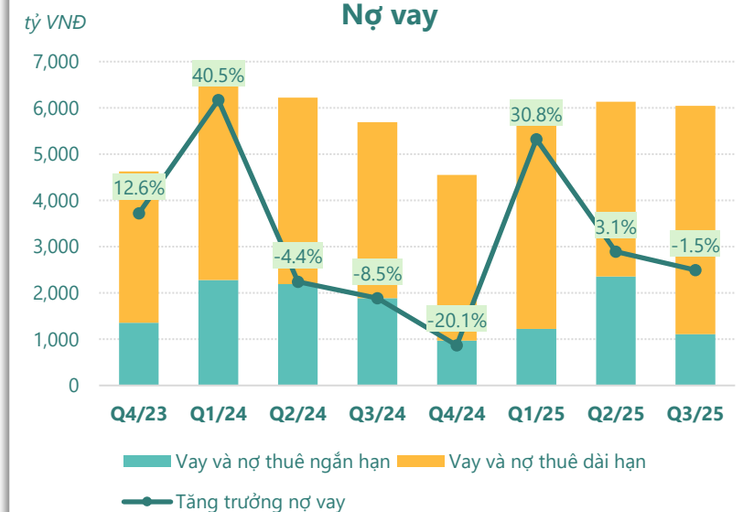
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

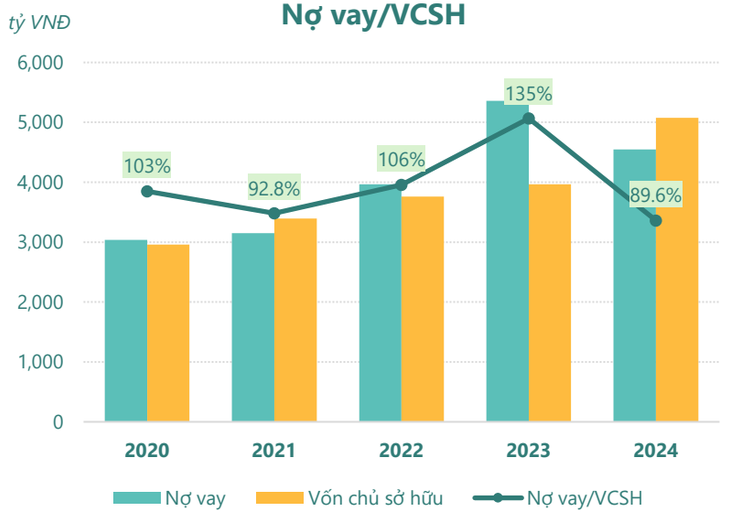
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

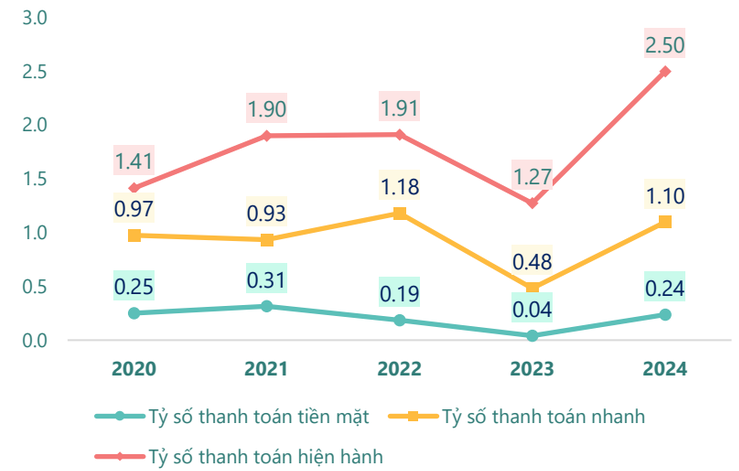
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



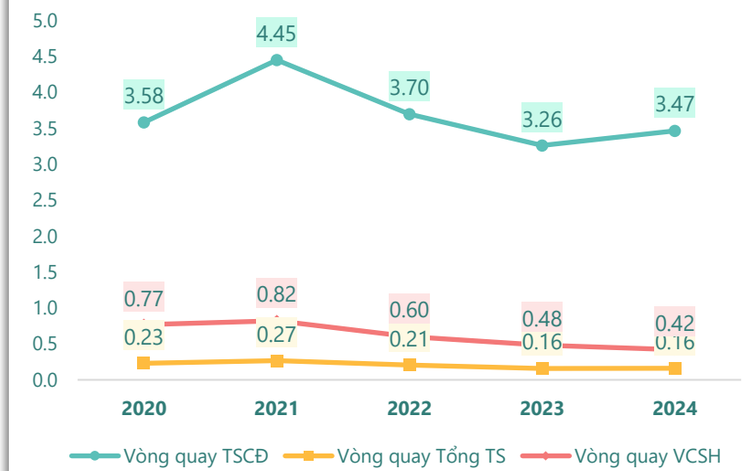
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



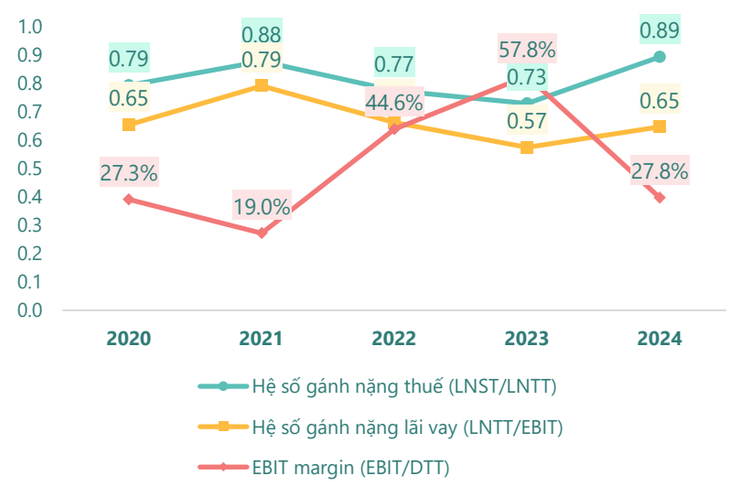
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



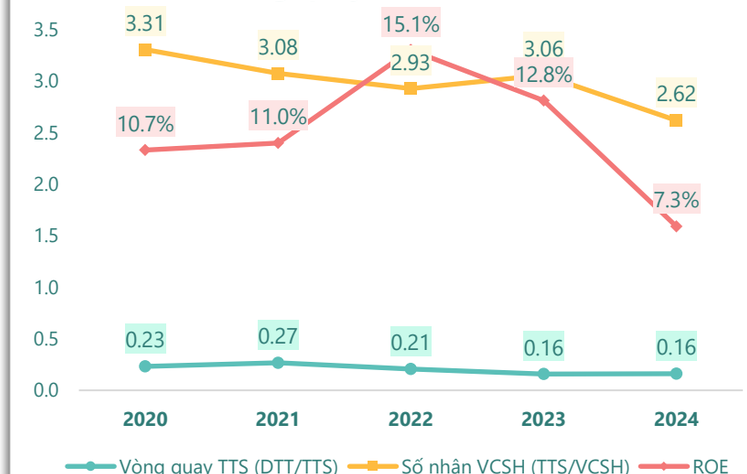
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



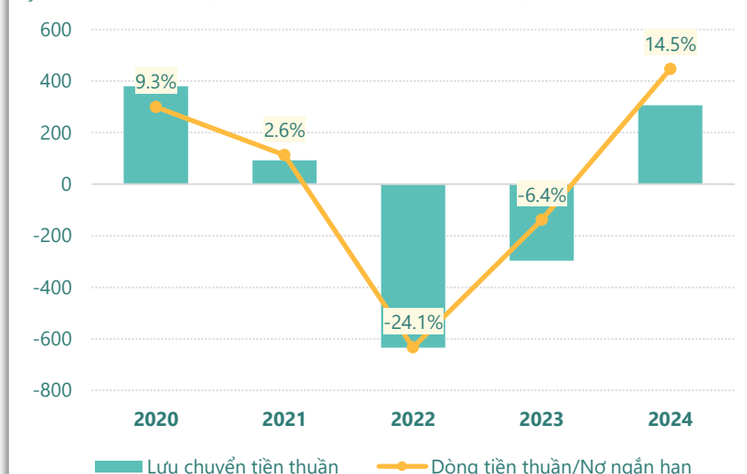
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**396**	**855**	**-53.7%**	**824**	**1,148**	**-28.3%**
Giá vốn hàng bán	222	708	-68.7%	539	928	-42.0%
Lợi nhuận gộp	174	146	19.2%	285	220	29.5%
Doanh thu HĐTC	17.4	16.1	8.0%	174	225	-23.0%
Chi phí TC	9.95	24.9	-60.1%	33.0	179	-81.6%
Chi phí lãi vay	7.12	24.8	-71.3%	20.1	176	-88.6%
LN trong công ty LKLD	**16.6**	**15.1**	**9.9%**	**50.4**	**38.9**	**29.3%**
Chi phí bán hàng	3.03	4.13	-26.6%	14.2	6.88	107%
Chi phí QLDN	**52.6**	**24.8**	**112%**	**140**	**72.6**	**92.6%**
LN thuần từ HĐKD	142	124	14.8%	322	226	42.6%
Lợi nhuận khác	**1.41**	**-0.20**	**807%**	**-2.76**	**-5.56**	**50.3%**
LN trước thuế	144	124	16.0%	319	220	45.0%
Lợi nhuận sau thuế	**119**	**110**	**8.2%**	**263**	**206**	**27.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**118**	**110**	**7.4%**	**263**	**227**	**16.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-250	341	717	141	-1,413	1,453
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	421	-180	-14.3	-423	660	-1,369
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-308	-498	-345	523	178	-79.8
Tiền đầu kỳ	573	435	99.6	498	738	162
Lưu chuyển tiền thuần	**-138**	**-336**	**358**	**240**	**-576**	**4.79**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	435	99.6	457	738	162	167

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**14,012**	**11,139**	**25.8%**
Tài sản ngắn hạn	7,466	5,259	42.0%
Tiền và tương đương tiền	167	498	-66.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	2.8%
Phải thu ngắn hạn	1,782	1,787	-0.3%
Hàng tồn kho	5,408	2,947	83.5%
Tài sản ngắn hạn khác	109	27.9	290%
Tài sản dài hạn	**6,546**	**5,879**	**11.3%**
Phải thu dài hạn	239	745	-67.9%
Tài sản cố định	519	535	-3.0%
Bất động sản đầu tư	307	316	-2.7%
Tài sản dở dang	2,754	2,538	8.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,584	1,592	62.3%
Tài sản dài hạn khác	**143**	**153**	**-6.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,660	6,064	42.8%
Nợ ngắn hạn	**2,917**	**2,106**	**38.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,107	1,252	-11.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	102	83.2	22.4%
Nợ dài hạn	5,743	3,959	45.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,936	3,297	49.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,351**	**5,074**	**5.5%**
Vốn chủ sở hữu	**5,351**	**5,074**	**5.5%**
Vốn điều lệ	3,200	3,200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)